## KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

( DẠY CUỐN CHIẾU)

**I. KHUNG MA TRẬN**

**- Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra chương VII: Đa dạng thế giới sống (từ bài 25 đến bài 29).

**- Thời gian làm bài:** 90 phút

**- Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)

**- Cấu trúc:**

+ Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao

+ Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 10 câu, thông hiểu: 6 câu), mỗi câu 0,25 điểm

+Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1,5 điểm; Thông hiểu: 1,5 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu** | **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |  |  | *12* |
| Hệ thống phân loại sinh vật (2 tiết) |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| Khoá lưỡng phân (2 tiết) |  |  |  | **2** |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| Vi khuẩn (4 tiết) |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  | 1,5 |
| Vi rút (2 tiết) |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| Nguyên sinh vật (4 tiết) |  | **2** |  | **3** |  |  |  |  |  | 5 | 1,25 |
| Nấm (4 tiết) |  | **1** |  |  |  |  | 1 |  | 1 | 1 | 1,25 |
| Thực vật (6 tiết) |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 | 4 | 2,0 |
| Động vật (6 tiết) | 1 | **1** |  | **1** |  |  |  |  | 1 | 2 | 2,0 |
| Đa dạng sinh học (2 tiết) |  | **2** |  |  |  |  |  |  |  | 2 | 0,5 |
| **Số câu** | 1 | **10** | 1 | **6** | 1 |  | 1 |  | 4 | 16 | 20 |
| **Điểm số** | **1,5** | **2,5** | **1,5** | **1,5** | **2,0** |  | **1,0** |  | **6,0** | **4,0** | **10 điểm** |
| **% điểm số** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |  | **100%**  |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | **Câu hỏi** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TL(Số ý) | TN(Số câu) | TL | TN |
| ***1. Đa dạng thế giới sống (33 tiết)*** |  |  |  |  |
| - Sự đa dạng nguyên sinh vật, một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. - Sự đa dạng nấm, vai trò của nấm, một số bệnh do nấm gây ra.- Sự đa dạng của thực vật, động vật.- Tìm hiểu các sinh vật ngoài thiên nhiên. | **Nhận biết** | * Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học.
 |  | 2 |  | C1, C2 |
| * Nêu được một số bệnh do vi khuẩn gây ra.
 |  |  |  |  |
| * Nêu được một số bệnh do virus gây ra.
 |  | 2 |  | C3, C4 |
| - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. |  | 2 |  | C5, C6 |
| - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. |  | 1 |  | C7 |
| - Nêu được một số tác hại của thực vật trong đời sống.  |  |  |  |  |
| - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.  | 1 | 1 | C17 | C8 |
| - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, …) |  | 2 |  | C9, C10 |
| **Thông hiểu** | * Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.
 |  | 2 |  | C11, C12 |
| - Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh hoạ cho mỗi giới. |  |  |  |  |
| - Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống. |  |  |  |  |
| - Quan sát hình ảnh, mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein) và vi khuẩn. | 1 |  | C18 |  |
| - Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào). |  |  |  |  |
| - Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn. |  |  |  |  |
| - Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra. |  |  |  |  |
| - Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus và vi khuẩn trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...). |  | 1 |  | C13 |
| - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. |  | 1 |  | C14 |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.  |  | 1 |  | C15 |
| - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. |  |  |  |  |
| - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...). |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. |  |  |  |  |
| - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). |  |  |  |  |
| - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).  |  |  |  |  |
| - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  | 1 |  | C16 |
| - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân và thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật. |  |  |  |  |
| - Thực hành quan sát và vẽ được hình vi khuẩn quan sát được dưới kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| - Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu, …) |  |  |  |  |
| - Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. |  |  |  |  |
| - Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). |  |  |  |  |
| - Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. | 1 |  | C19 |  |
| - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** | - Biết cách làm sữa chua, ... |  |  |  |  |
| - Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... |  |  |  |  |
| - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. | 1 |  | C20 |  |
| - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. |  |  |  |  |
| - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). |  |  |  |  |

**III. ĐỀ KIỂM TRA**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022 – 2023**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*

**A.TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

**Câu 1. (NB).** *Apis cerana* là tên khoa học của sinh vật nào say đây?

1. Con ong mật. B. Con châu chấu.
2. Con tôm. D. Con nhện.

**Câu 2. (NB).** Lilium Longiflorum là tên khoa học của sinh vật nào say đây?

A. Cây bưởi.                 B. Hoa loa kèn.

C. Cây hành.            D. Hoa li.

**Câu 3. (NB).** Virus gây ra nhiều bệnh nguy hiểm cho con người, nhóm các bệnh nào dưới đây do virus gây ra?

A. Viêm gan B, AIDS, sởi. B. Tả, sởi, viêm gan A.

C. Quai bị, lao phổi, viêm gan B. D. Viêm não Nhật Bản, thủy đậu, viêm da.

**Câu 4.(NB)** Trong các bệnh sau đây, bệnh nào do virus gây nên?

A. Bệnh kiết lị. B. Bệnh dại.

C. Bệnh vàng da. D. Bệnh tả.

 **Câu 5** **.(NB).** Trong các sinh vật sau, sinh vật nào gây nên bệnh sốt rét?

A. Trùng Entamoeba B. Trùng Plasmodium

C. Trùng giày D. Trùng roi.

**Câu 6. (NB).** Trùng kiết lị kí sinh ở đâu trên cơ thể người?

A. Phổi. B. Dạ dày. C. Ruột . D. Não.

**Câu 7(NB).** Động vật nào dưới đây kí sinh trên da người?

A. Nhện. B. Ve bò. C. Trùng roi. D. Cái ghẻ.

**Câu 8.(NB)** Trong số các bệnh sau, bệnh nào do nấm gây ra?

A. Bệnh hắc lào. B. Bệnh thủy đậu.

C. Bệnh viêm gan B. D. Bệnh lao.

**Câu 9. (NB).** Cho các vai trò sau:

(1) Đảm bảo sự phát triển bền vũng của con người.

(2) Là nguồn cung cấp tài nguyên vô cùng, vô tận.

(3) Phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí của con người.

(4) Giúp con người thích nghi với biến đổi khí hậu.

(5) Liên tục hình thành thêm nhiều loài mới phục vụ cho nhu cầu của con người.

Những vai trò nào là vai trò của đa dạng sinh học đối với con người?

A. (1), (2), (3) B. (2), (3), (5) C. (1), (3), (4) D. (2), (4), (5)

**Câu 10.(NB):** Sinh cảnh nào dưới đây có độ đa dạng sinh học thấp nhất?

A. Thảo nguyên. B. Rừng mưa nhiệt đới. C. Hoang mạc. D. Rừng ôn đới.

**Câu 11. (TH)** Khóa phân loại được xây dựng nhằm mục đích gì?

A. Xác định vị trí phân loại của loài một cách thuận lợi. B. Xác định tên của các loài.

C. Xác định tầm quan trọng của loài trong tự nhiên. D. Xác định đặc điểm giống và khác nhau của mỗi loài.

**Câu 12. (TH).** Cho các tiêu chí sau:

(1) Đặc điểm tế bào

(2) Mức độ tổ chức cơ thể

(3) Môi trường sống

(4) Kiểu dinh dưỡng

(5) Vai trò trong tự nhiên và thực tiễn

Những tiêu chí nào được dùng để phân loại sinh vật?

A. (1), (2), (3), (5)                    B. (1), (3), (4), (5)

C. (2), (3), (4), (5) D. (1), (2), (3), (4)

**Câu 13. (TH)** Trong các sinh vật dưới đây, sinh vật nào không phải là nguyên sinh vật?



1. Hình (1) B. Hình (2) C. Hình (3) D. Hình (4)

**Câu 14.(TH)** Trùng kiết lị có khả năng nào sau đây?

A. Hình thành lông bơi. B. Mọc thêm roi.

C. Xâm nhập qua da. D. Hình thành bào xác.

**Câu 15. (TH)** Trong các biện pháp sau:

(1). Phát quang bụi rậm.

(2). Diệt muỗi, diệt bọ gậy.

(3). Mắc màn khi đi ngủ.

(4). Mặc đồ sáng màu để tránh bị muỗi đốt

(5). Đeo khẩu trang khi đi đường.

Những biện pháp nào giúp chúng ta tránh bị mắc bệnh sốt rét?

A. (1), (2), (3).                    B. (2), (3), (4).

C. (3), (4), (5). D. (1), (2), (5).

**Câu 16.(TH).** Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt ngành động vật có xương sống với các ngành động vật không xường sống là

A. hình dáng đa dạng. B. kích thước cơ thể lớn.

C. có cột sống . D. sống lâu.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**Câu 17(NB) (1,5 điểm).** Nêu tác hại của động vật với đời sống con người?

**Câu 18 (TH) (1,5 điểm).** Mô tả cấu tạo của tế bào vi khuẩn. Vì sao nói vi khuẩn là sinh vật có cấu tạo cơ thể đơn giản nhất trong thế giới sống?

**Câu 19 (VD) (2,0 điểm).** Sắp xếp các loài thực vật sau:rêu tường, bèo ong, cây ngô, cây hoa cúc, cây vạn tuế, cây chanh vào các ngành thực vật đã học và nêu đặc điểm của mỗi ngành thực vật đó?

**Câu 20 (VDC) (1,0 điểm).** Trong quá trình lấy nấm mốc ra khỏi mẫu vật để quan sát, em cần sử dụng những dụng cụ gì để đảm bảo an toàn sức khỏe? Giải thích lí do của việc sử dụng các dụng cụ đó?

**V. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2**

**I. TNKQ (4,0 điểm):** Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Đ/A** | **A** | **D** | **A** | **B** | **B** | **C** | **D** | **A** | **C** | **C** | **A** | **B** | **D** | **D** | **A** | **C** |

**Phần II: Tự luận: (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 17**(1,5 điểm) |  Tác hại của động vật với đời sống:* Một số loài động vật gây bệnh cho con người, vật nuôi, cây trồng: Giun, sán...
* Một số loài là vật trung gian truyền bệnh cho người: ruồi, muỗi, chuột...
* Một số loài gây bệnh cho cây trồng (các loài sâu hại, ốc sên...) và vật nuôi ( ve bò, ruồi, muỗi...)
 | 0,5 điểm0,5 điểm0,5 điểm |
| **Câu 18**(1,5 điểm) | * Vi khuẩn có cấu tạo đơn bào.
* Cấu tạo của tế bào vi khuẩn gồm: thành tế bào, màng tế bào, chất tế bào, vùng nhân.
* Một số vi khuẩn còn có roi làm nhiệm vụ di chuyển và có lông để bám vào vật chủ.
* Vi khuẩn là sinh vật có cấu tạo cơ thể đơn giản nhất trong thế giới sống vì cấu tạo cơ thể chúng gần như cấu tạo của một tế bào.
 | 0,25 điểm0,5 điểm0,25 điểm0,5 điểm |
| **Câu 19**(2,0 điểm) | * Cây rêu thuộc ngành Rêu. Ngành Rêu bao gồm các thực vật sống trên cạn, sống ở nơi ẩm ướt, cơ thể nhỏ bé, có rễ giả, thân và lá chưa có mạch dẫn, sinh sản bằng bào tử.
* Cây bèo ong thuộc ngành Dương xỉ. Ngành Dương xỉ bao gồm các thực vật có mạch, sinh sản bằng bào tử , thường sống ở nơi ẩm, mát.
* Cây vạn tuế thuộc ngành Hạt trần. Ngành Hạt trần bao gồm các thực vật có rễ, thân, lá phát triển; có mạch dẫn; cơ quan sinh sản là nón, hạt nằm trên lá noãn hở.
* Cây ngô, cây hoa cúc, cây chanh thuộc ngành Hạt kín. Ngành Hạt kín bao gồm các thực vật có rễ, thân, lá phát triển đa dạng; có hoa, quả, hạt; hạt nằm trong quả.
 | 0, 5 điểm0, 5 điểm0, 5 điểm0, 5 điểm |
| **Câu 20****(1,0 điểm)** | - Khi lấy nấm mốc, cần sử dụng găng tay, khẩu trang, kính bảo vệ mắt. - Giải thích: Vì bào tử nấm mốc rất nhẹ, dễ dàng phát tán trong không khí và dễ gây kích ứng da khi tiếp xúc trực tiếp, nếu hít phải sẽ ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe. |  0,5 điểm0,5 điểm |